

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-10-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tổ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Văn Dương** và ông **Nguyễn Quang Chung**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 435/TB-TA ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1985

Bị đơn: Anh **Trần Thế V**, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Số nhà 10, Tổ 5, Ấp T 3, xã P, huyện T, tỉnh Đ. (*Chị Q, anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/02/2010. Quá trình chung sống, đời sống hôn nhân của vợ chồng chị đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Q là do năm 2016 vợ chồng chị có đầu tư làm ăn tại Tây Ninh nhưng thất bại, anh V không làm tròn nghĩa vụ của người chồng, người cha, mà còn đổ hết lỗi cho chị Q dẫn đến vợ chồng xảy ra xung đột, cãi vã. Từ tháng 7/2017 anh V bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã P, huyện T sinh sống để chị và các con ở lại Tây Ninh. Cũng từ thời gian này chị và anh V không còn sống chung với nhau, vợ chồng không ai quan tâm ai. Nay chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thế V.

Về con chung: Theo chị Q, vợ chồng có 02 (hai) con chung Trần Tú Anh, sinh ngày 29/4/2011 và Trần Thế Hào, sinh ngày 07/01/2014. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Tạm thời chị Q không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Theo chị Q, hiện nay chị làm nghề buôn bán tại cửa khẩu Tân Biên, thuộc tỉnh Tây Ninh thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 8.000.000đ, nên đủ khả năng nuôi dưỡng các con phát triển tốt về mọi mặt. Thu nhập thực tế như thế nào chị khai vậy chứ chị không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình.

Về tài sản chung: Theo chị Q, chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo chị Q, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Trần Thế V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V thừa nhận, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh đầm ấm, hạnh phúc được 07 (bảy) năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do làm ăn thất bại, kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Khoảng từ đầu năm 2018, anh về sinh sống cùng cha mẹ ruột tại địa chỉ: Ấp T 3, xã P, huyện T, tỉnh Đ còn chị Q và các con sinh sống ở Tây Ninh, vợ chồng anh không còn sống chung với nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không liên lạc gì với nhau, không ai quan tâm đến ai.

Nay anh V nhận thấy vợ chồng không còn cơ hội về đoàn tụ gia đình, chị Q yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q. Tuy nhiên, anh không có thời gian đến Tòa án để làm việc, vì vậy, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh V thừa nhận, vợ chồng có 02 (hai) con chung là Trần Tú Anh, sinh ngày 29/4/2011 và Trần Thế Hào, sinh ngày 07/01/2014. Do hiện nay các con chung đang sinh sống ổn định cùng chị Q nên khi ly hôn, anh V đồng ý giao các con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo anh V, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của các con chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai của bị đơn; đơn đề nghị xét xử vắng mặt; biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng.

Tại biên bản xác minh ngày 18/9/2018, bà Bùi Thị Cẩm Lài (Trưởng ấp T 3) cung cấp như sau: Chị Q và anh V là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2010. Từ năm 2010 đến năm 2015, vợ chồng hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến năm 2016 được biết thông tin vợ chồng làm ăn thất bại nên xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2018, chỉ có anh V sinh sống tại địa phương, không thấy chị Q và các con chung chung sống cùng anh V. Bản thân anh V hiện nay không có nghề nghiệp, chủ yếu ở nhà phụ công việc nhà.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị Q ly hôn với anh V; về con chung: Đề nghị giao hai con chung Trần Tú Anh, sinh ngày 29/4/2011 và Trần Thế Hào, sinh ngày 07/01/2014 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V do chị Q không yêu cầu; về tài sản chung: Chị Q, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Chị Q, anh V khai không có, nên không xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Thế V, tranh chấp về nuôi các con chung là Trần Tú Anh, sinh ngày 29/4/2011 và Trần Thế Hào, sinh ngày 07/01/2014. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Thế V có nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q, anh Trần Thế V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn (Bút lục số 32, 49)

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Q, anh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T vào ngày 25/02/2010, vào sổ số 09, quyển số 01/2010, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị Q, anh V đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Q là do anh V không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, khoảng thời gian kinh tế gia đình gặp khó khăn, làm ăn thua lỗ thì anh V không những không phụ giúp chị Q mà ngược lại còn đổ lỗi cho chị Q. Từ khoảng cuối năm 2017, chị Q và anh V không còn không sống chung, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[5] Lời khai của nguyên đơn về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng một phần được bị đơn thừa nhận, phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng (Bút lục số 34), bị đơn cũng xác định, đến thời điểm này, vợ chồng không còn khả năng quay về đoàn tụ. Đủ cơ sở để xác định, vợ chồng chị Q, anh V trong quá trình sống chung đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh V là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q và anh V thừa nhận, vợ chồng có hai con chung là Trần Tú Anh, sinh ngày 29/4/2011 và Trần Thế Hào, sinh ngày 07/01/2014. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Anh V đồng ý giao hai con chung cho chị Q. Nhận thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, các con chung do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q hiện có nghề nghiệp và thu nhập, để không xáo trộn đời sống của con trẻ, cần tiếp tục giao hai con chung cho chị Q nuôi dưỡng theo như yêu cầu của chị là phù hợp. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V do chị Q không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Chị Q, anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị Q, anh V khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147, và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với anh Trần Thế V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Thế V.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các con chung Trần Tú Anh, sinh ngày 29/4/2011 và Trần Thế Hào, sinh ngày 07/01/2014 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V do chị Q không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, quyền yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung....)

3. Về tài sản chung: Chị Q, anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị Q, anh V khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 007071 ngày 09/7/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Đ. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Q, anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK số 09 ngày 25/02/2010);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tổ